

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giảm hơn 14 điểm (-0.85%) trong phiên hôm nay và đóng cửa tại 1,704.87 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 11/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Bất động sản giảm mạnh nhất, theo sau là Hóa chất và Hàng & Dịch vụ Công nghiệp. Ở chiều ngược lại, ngành Tài nguyên Cơ bản dẫn đầu đà tăng, theo sau là Bảo hiểm và Công nghệ Thông tin. Về giao dịch khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCoM. Hiện tại, chỉ báo RSI (30.67) đã tiến sát vùng quá bán trong khi VN-Index đang lùi về ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1,700 điểm, cho thấy thị trường có thể xuất hiện các nhịp hồi phục kỹ thuật ngắn hạn. Trong các phiên tới, VN-Index có thể tiếp tục kiểm định lực cầu tại vùng 1,700 điểm. Nếu lực cầu bắt đáy được kích hoạt thành công tại vùng này, chỉ số có thể tạo nhịp hồi phục kỹ thuật hướng lên kiểm định lại ngưỡng kháng cự MA10 (quanh 1,735 – 1,740 điểm); ngược lại, nếu đánh mất ngưỡng này, vùng hỗ trợ tiếp theo của thị trường sẽ lùi về quanh mốc 1,667 điểm.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL VN30 đều giảm cùng chiều với nhịp vận động của chỉ số VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 14/10/2026, phần lớn các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-14.55** điểm, đóng cửa tại **1704.87** điểm. HNX-Index **+0.91** điểm, đóng cửa tại **265.16** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **HPG (+0.64)**, **MBB (+0.60)**, **FPT (+0.29)**, **CTG (+0.25)**, **BVH (+0.22)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-5.82)**, **VHM (-5.60)**, **VPL (-1.00)**, **GVR (-0.78)**, **LPB (-0.74)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **10,506** tỷ đồng, giảm **-3.60%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 13,826 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 21.91 điểm. Thị trường có **128** mã tăng, 60 mã tham chiếu, **163** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-772.68** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VIC (-153.05 tỷ)**, **VHM (-151.99 tỷ)**, **FRT (-94.28 tỷ)**, **FPT (-67.38 tỷ)**, **TCB (-63.21 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-2.97** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.29%**. Các mã diễn biến tích cực:
HSG (+4.48%) [\(Link báo cáo\)](#)
DCM (+3.18%) [\(Link báo cáo\)](#)
HPG (+1.71%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+0.09%**. Các mã diễn biến tích cực:
NKG (+6.82%) [\(Link báo cáo\)](#)
ANV (+6.21%) [\(Link báo cáo\)](#)
FTS (+3.75%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.29%	0.09%	-0.85%	-0.46%
1 tuần	-0.74%	-1.31%	-2.77%	-2.20%
1 tháng	-1.89%	-2.99%	-5.81%	-5.21%
3 tháng	3.25%	1.34%	2.18%	1.40%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,704.87	265.16	123.94
% 1D	-0.85%	0.34%	0.07%
GTKL (tỷ VND)	10,506	623	335
%1D	-3.60%	1.97%	-38.28%
GDNN (tỷ VND)	-772.68	-2.97	-7.45

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MBB	100.31	VIC	-153.05
STB	43.88	VHM	-151.99
HPG	28.87	FRT	-94.28
HDB	21.20	FPT	-67.38
MSN	18.06	TCB	-63.21

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

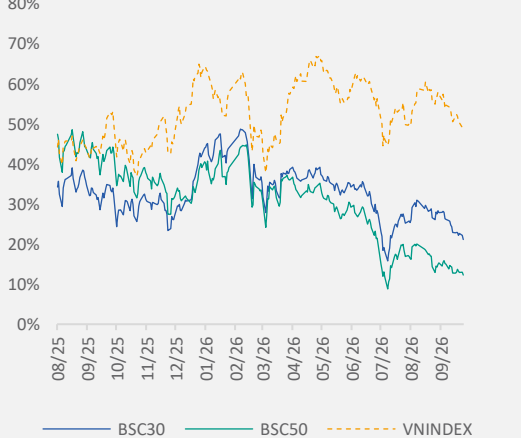
		%D	%W
SPX	7,805	-0.02%	-0.17%
FTSE100	7,881	0.68%	1.44%
Eurostoxx	25,395	0.57%	1.21%
Shanghai	3,767	-0.88%	-1.95%
Nikkei	67,744	-0.05%	-4.16%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	105.55	-0.13%
Giá vàng	4,144	-0.40%
Tỷ giá		
USD/VND	25,892	-0.09%
EUR/VND	28,993	-0.12%
JPY/VND	163	-0.15%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.5%	0.00%
LS LNH 1M	5.3%	0.13%

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HPG	20.80	1.71%	0.64	24.36
MBB	19.35	1.57%	0.60	15.88
FPT	57.10	1.42%	0.29	8.40
CTG	29.55	0.51%	0.25	5.23
BVH	76.00	1.88%	0.22	0.69

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
THD	113.50	5.29%	1.35	0.03
MBS	14.80	2.07%	0.18	3.07
SHS	12.00	2.56%	0.16	10.17
IPA	12.50	6.84%	0.12	0.05
KSV	115.10	0.52%	0.10	0.043

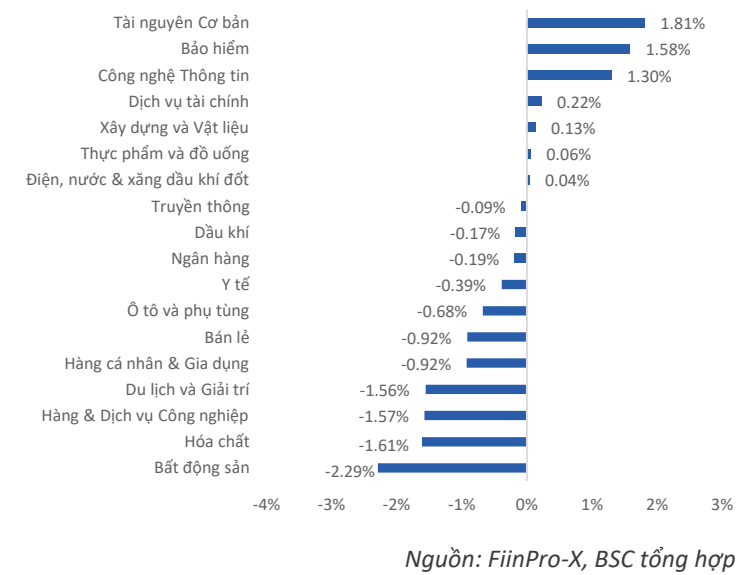
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
BCE	6.12	6.99%	0.21
HID	4.78	6.94%	0.57
DAH	2.49	6.87%	0.88
CSV	23.40	6.85%	1.11
IDI	5.16	6.83%	0.97

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
CAR	47.50	9.95%	0.00
AMV	1.30	8.33%	0.39
TJC	10.50	8.25%	0.02
VDL	11.90	8.18%	0.00
VIG	4.10	7.89%	0.32

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	218.40	-1.62%	-5.82	3.16
VHM	61.00	-5.28%	-5.60	12.99
VPL	76.00	-3.31%	-1.00	0.878
GVR	31.40	-2.94%	-0.78	3.34
LPB	38.10	-3.05%	-0.74	1.70

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NVB	14.00	-6.04%	-1.45	3.28
IDC	33.70	-1.75%	-0.14	1.76
BAB	10.40	-1.89%	-0.13	0.00
KSF	74.80	-0.13%	-0.05	0.11
PTI	17.80	-3.26%	-0.04	0.00

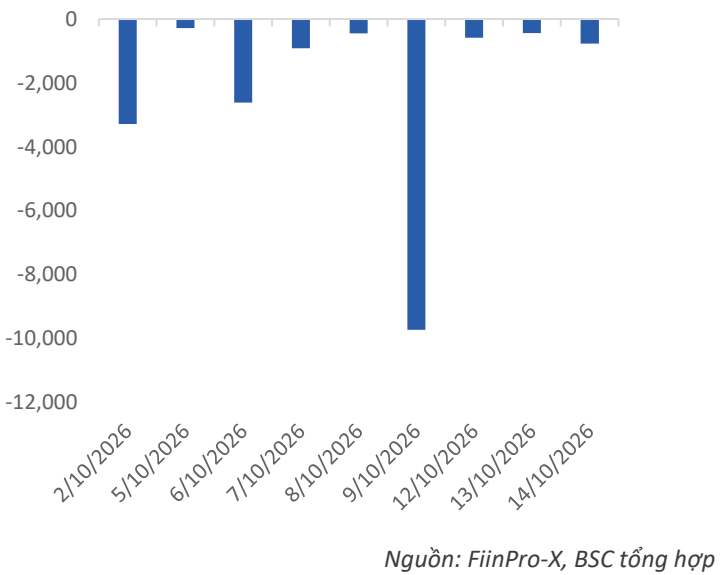
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
ADG	7.44	-7.00%	0.00
KOS	8.34	-6.92%	0.02
SRC	31.65	-6.91%	0.00
SC5	16.20	-6.90%	0.01
TSA	11.60	-6.83%	0.01

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
SMT	9.00	-10.00%	0.00
HEV	6.70	-9.46%	0.00
VLA	5.60	-8.20%	0.00
VC1	9.00	-8.16%	0.00
HMH	16.10	-8.00%	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VNĐ)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ VNĐ)	Thanh khoản (tỷ VNĐ)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (nghìn VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	73.5	-1.7%	1.1	108,464	512.0	6,660	11.0	113.0	49.0%	Link
KBC	Bất động sản	25.8	0.0%	1.1	24,250	16.1	1,218	21.1	42.4	6.1%	Link
KDH	Bất động sản	13.5	0.0%	0.9	16,665	31.3	1,424	9.5	39.9	23.7%	Link
PDR	Bất động sản	11.1	0.0%	1.0	11,076	40.3	619	17.9	28.2	7.0%	Link
VHM	Bất động sản	61.0	-5.3%	1.7	501,104	814.4	9,730	6.3	132.6	6.4%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	57.1	1.4%	0.6	107,675	477.9	5,324	10.7	124.4	28.1%	Link
BSR	Dầu khí	30.1	-0.7%	0.0	150,720	173.2	3,974	7.6	-	1.6%	Link
PVS	Dầu khí	33.0	0.0%	0.9	20,252	63.0	3,432	9.6	52.3	15.7%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.1	0.4%	1.0	31,692	275.2	1,313	17.6		34.3%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	18.9	0.0%	1.1	56,725	440.0	1,752	10.8		30.0%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	18.6	1.4%	1.0	21,432	159.3	1,334	13.9		15.5%	Link
DCM	Hóa chất	34.1	3.2%	0.4	18,053	62.5	4,939	6.9	53.3	6.4%	Link
DGC	Hóa chất	32.6	-0.9%	0.8	12,381	11.7	5,603	5.8	96.7	2.7%	Link
ACB	Ngân hàng	20.5	0.0%	0.6	118,700	141.8	2,701	7.6	27.1	23.2%	Link
CTG	Ngân hàng	29.6	0.5%	0.9	229,513	154.6	5,172	5.7	53.5	24.5%	Link
HDB	Ngân hàng	23.2	0.4%	1.0	150,959	607.5	2,942	7.9	32.7	19.4%	Link
MBB	Ngân hàng	19.4	1.6%	0.8	194,830	306.7	3,230	6.0	32.4	22.2%	Link
MSB	Ngân hàng	14.7	1.0%	0.7	54,850	269.1	1,573	9.3	14.0	6.8%	Link
STB	Ngân hàng	64.6	-1.5%	0.7	121,785	197.7	1,634	39.5		10.6%	Link
TCB	Ngân hàng	33.0	0.2%	1.1	233,846	805.1	3,829	8.6	43.5	20.3%	Link
TPB	Ngân hàng	11.7	0.0%	0.9	37,325	108.5	2,376	4.9	-	21.7%	Link
VCB	Ngân hàng	56.3	0.0%	0.8	470,425	186.9	4,984	11.3	-	19.9%	Link
VIB	Ngân hàng	14.0	1.1%	0.7	52,109	149.3	1,990	7.0	23.0	3.8%	Link
VPB	Ngân hàng	24.4	-0.2%	1.2	243,500	325.5	2,982	8.2	36.5	22.2%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	20.8	1.7%	0.8	175,614	500.2	2,750	7.6	32.2	21.7%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	10.5	4.5%	0.9	8,476	66.2	813	12.9	14.3	3.1%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	15.4	0.7%	0.8	6,617	44.8	2,679	5.7	28.8	1.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	71.7	0.8%	1.0	104,709	213.5	4,628	15.5	100.4	24.3%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	57.9	-0.2%	0.4	121,008	68.2	5,246	11.0	78.0	49.8%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (ngìn VNĐ)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ VNĐ)	Thanh khoản (tỷ VNĐ)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	45.5	-0.98%	1.0	10,163	53.9	3,781	12.0	28.9%	23.8%	Link
FRT	Bán lẻ	140.6	-2.23%	0.8	25,141	242.3	6,359	22.1	33.5%	27.5%	Link
BVH	Bảo hiểm	76.0	1.88%	0.7	56,417	51.7	4,472	17.0	27.1%	13.3%	Link
DIG	Bất động sản	9.5	0.00%	1.0	8,020	35.1	987	9.6	2.5%	8.1%	Link
DXG	Bất động sản	10.0	0.00%	1.1	12,681	48.3	157	63.9	15.6%	1.4%	Link
HDC	Bất động sản	10.3	-0.49%	1.1	2,355	12.2	2,389	4.3	1.3%	23.0%	Link
IDC	Bất động sản	33.7	-1.75%	0.8	14,068	58.4	5,201	6.5	14.6%	32.7%	Link
NLG	Bất động sản	21.2	-2.08%	0.8	10,284	23.5	1,407	15.1	35.7%	5.2%	Link
SIP	Bất động sản	48.0	-1.54%	0.8	11,609	3.1	5,867	8.2	2.2%	27.7%	Link
SZC	Bất động sản	17.4	-0.57%	1.0	3,123	3.3	887	19.6	1.2%	5.0%	Link
TCH	Bất động sản	10.9	0.93%	1.0	10,936	27.7	312	34.9	9.8%	2.6%	Link
VIC	Bất động sản	218.4	-1.62%	1.4	1,695,262	693.9	2,752	79.4	3.1%	13.9%	Link
VRE	Bất động sản	22.4	-1.54%	1.5	50,900	52.7	3,191	7.0	11.0%	15.0%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	19.2	-1.03%	0.8	4,460	5.4	1,692	11.3	36.2%	12.3%	Link
PLX	Dầu khí	36.3	0.97%	0.8	46,903	85.6	2,524	14.4	14.6%	12.5%	Link
PVD	Dầu khí	18.0	1.12%	0.7	16,699	360.1	1,199	15.0	8.1%	6.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	18.0	3.75%	0.9	6,856	11.3	1,105	16.3	24.7%	9.5%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	14.8	2.07%	1.0	14,814	45.2	1,828	8.1	0.4%	14.0%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	78.6	0.13%	1.0	189,658	54.3	5,269	14.9	2.1%	18.9%	Link
HDG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.7	0.34%	0.8	5,982	5.2	2,298	6.4	15.8%	13.8%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.5	-0.80%	1.0	38,195	65.6	2,049	6.1	4.0%	16.2%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	45.0	-0.88%	0.4	28,053	15.9	4,237	10.6	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	128.1	-0.08%	0.8	98,521	115.5	2,830	45.3	5.3%	8.6%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	21.9	-0.90%	1.7	28,656	184.5	1,049	20.9	6.5%	7.5%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	53.0	0.95%	0.9	34,415	65.0	3,992	13.3	39.1%	19.3%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	48.4	1.47%	0.8	9,275	35.3	6,631	7.3	4.3%	27.1%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	24.7	-1.20%	0.7	12,768	114.1	2,761	9.0	15.6%	16.1%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	45.3	-1.20%	0.7	9,135	29.7	2,199	20.6	4.0%	18.3%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.7	-2.86%	1.4	9,544	127.6	4,780	3.9	27.7%	18.4%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	14.7	-1.01%	0.8	1,729	9.0	1,872	7.9	48.1%	9.1%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.4	2.79%	0.7	2,369	15.0	3,465	5.3	21.8%	22.0%	Link
DPM	Hóa chất	21.4	0.71%	0.4	14,516	29.3	2,608	8.2	3.3%	15.6%	Link
GVR	Hóa chất	31.4	-2.94%	1.6	125,600	105.8	1,751	17.9	0.6%	12.0%	Link
EIB	Ngân hàng	16.3	0.93%	1.3	30,362	204.2	264	61.7	0.9%	1.9%	Link
LPB	Ngân hàng	38.1	-3.05%	0.6	113,815	65.4	3,780	10.1	1.5%	24.7%	Link
NAB	Ngân hàng	12.1	0.42%	0.5	26,014	32.7	2,247	5.4	0.9%	19.5%	Link
OCB	Ngân hàng	10.0	0.00%	0.6	30,594	16.8	1,454	6.9	19.1%	13.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	10.5	6.82%	0.9	5,169	61.3	338	31.0	4.4%	2.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	18.8	6.21%	1.1	5,006	33.7	3,248	5.8	2.4%	23.6%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	31.2	0.16%	0.5	11,364	81.0	256	121.5	3.7%	2.2%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	43.0	-0.12%	0.3	55,150	28.2	3,723	11.6	58.8%	22.3%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	50.8	-0.39%	0.7	10,640	11.4	6,485	7.8	17.5%	15.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	140.6	-0.71%	0.5	11,510	10.3	15,674	9.0	82.4%	42.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	63.6	2.42%	0.8	7,112	30.1	7,050	9.0	46.6%	8.3%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	68.3	-1.01%	0.7	8,750	6.7	5,110	13.4	5.6%	30.2%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	27.1	-0.37%	0.7	3,208	4.5	3,530	7.7	18.4%	14.9%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	9.0	1.01%	0.8	5,194	22.8	1,164	7.8	10.3%	5.8%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	18.3	-2.41%	0.8	7,506	11.5	2,809	6.5	8.2%	17.9%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	14.2	2.16%	0.7	9,914	27.2	5,869	2.4	2.0%	35.6%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	43.8	1.04%	1.1	19,615	23.6	3,174	13.8	1.0%	16.2%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator 10.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Click
2	BSC Navigator T09.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Click
3	BSC Navigator T08.2026: Việt Nam nằm trong 3 cuộc điều tra Section 301 năm 2026	x		Click
4	BSC Insight Market Waves – Hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn Doanh nghiệp Nhà nước (Kỳ 4)	x		Click
5	BSC Insight Outlook H2/2026: Thích ứng nhanh chóng & Nắm bắt cơ hội	x		Click
6	BSC Navigator T07.2026: Cập nhật kỳ đánh giá phân loại thị trường của MSCI tháng 06/2026	x		Click
7	BSC Navigator T06.2026: Đánh giá tình hình nhập siêu 5T2026 của Việt Nam	x		Click
8	BSC Navigator T05.2026: Cập nhật thay đổi tài liệu FAQ v1.2 của FTSE	x		Click
9	BSC Navigator T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Click
10	BSC Insight FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam (Kỳ 4)	x		Click
11	BSC Navigator 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Click
12	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
13	BSC Insight Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Click
14	BSC Navigator T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Click
15	BSC Navigator T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Click
16	BSC Navigator 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Click
17	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
18	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
19	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
20	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
21	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
22	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
23	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
23	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu - *Quyền phụ trách*
Buupq@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thị Cẩm Tú
Trưởng nhóm
Ngành - Doanh nghiệp
Tuntc@bsc.com.vn

Đặng Trung
Trưởng nhóm
Định lượng
Trungd@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>